

Trụ sở chính TP. Hà Nội

Tầng 8, Cao ốc Văn phòng VG Building,
số 235 Nguyễn Trãi, Quận Thanh Xuân, Tp. Hà Nội, Việt Nam

T +84 (4) 3 783 2121

F +84 (4) 3 783 2122

E info@cpvietnam.vn

W <http://cpvietnam.vn>

Số: 356/2016/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Thủ Đức

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Thủ Đức**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Thủ Đức, được lập ngày 31/3/2016, từ trang 05 đến trang 38, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.




Nguyễn Anh Tuấn

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0779-2015-137-1

Giấy Ủy quyền số: 11/2015/UQ-CPA VIETNAM ngày 05/10/2015 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2016


Nguyễn Tiến Trình

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1806-2015-137-1

3031
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
9-7

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		107.311.625.904	79.338.580.931
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	45.864.972.260	17.977.053.426
1. Tiền	111		8.364.972.260	11.477.053.426
2. Các khoản tương đương tiền	112		37.500.000.000	6.500.000.000
II- Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		5.000.000.000	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	5.000.000.000	-
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		36.277.143.496	40.921.892.961
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	56.265.648.909	58.352.352.467
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		206.967.377	2.344.739.960
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.4	2.931.804.810	3.000.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	658.527.227	1.525.141.367
7. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	5.6	(23.785.804.827)	(24.300.340.833)
IV- Hàng tồn kho	140	5.7	20.169.510.148	20.427.775.254
1. Hàng tồn kho	141		20.303.419.908	20.561.685.014
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(133.909.760)	(133.909.760)
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		-	11.859.290
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	11.859.290
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		53.768.433.255	70.463.086.769
II Tài sản cố định	220		6.253.638.487	4.137.558.598
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	6.253.638.487	4.137.558.598
- Nguyên giá	222		32.036.834.955	28.685.451.759
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(25.783.196.468)	(24.547.893.161)
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		47.489.955.601	66.319.908.163
1. Đầu tư vào công ty con	251	5.9	40.800.000.000	40.800.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	5.9	8.000.000.000	26.450.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	5.9	(1.310.044.399)	(930.091.837)
VI Tài sản dài hạn khác	260		24.839.167	5.620.008
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		24.839.167	5.620.008
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		161.080.059.159	149.801.667.700

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015


NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		51.917.275.410	50.208.748.771
I- Nợ ngắn hạn	310		51.917.275.410	50.208.748.771
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	20.633.022.142	14.871.940.717
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		3.210.741.370	10.922.507.635
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	9.079.549.074	6.396.447.079
4. Phải trả người lao động	314		13.405.348.477	12.187.905.181
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.12	514.482.502	1.098.308.750
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.13	450.163.838	458.454.845
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.14	800.000.000	2.576.726.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	5.15	2.669.095.048	1.206.897.855
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		1.154.872.959	489.560.709
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		109.162.783.749	99.592.918.929
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.16	109.162.783.749	99.592.918.929
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		64.141.000.000	64.141.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		64.141.000.000	64.141.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		6.737.500.000	6.737.500.000
5. Cổ phiếu quỹ	415		(18.090.000)	(18.090.000)
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		16.239.960.253	12.759.960.253
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		22.062.413.496	15.972.548.676
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kì trước	421a		874.112.176	314.955.326
- LNST chưa phân phối kì này	421b		21.188.301.320	15.657.593.350
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (430 = 300+400)	440		161.080.059.159	149.801.667.700

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2016

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc





Phạm Anh Linh

Phan Thị Hồng Phúc

Trần Vĩnh Tài

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

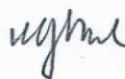
CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.17	242.471.698.979	194.459.420.058
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		242.471.698.979	194.459.420.058
4. Giá vốn hàng bán	11	5.18	200.753.947.330	160.872.767.890
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		41.717.751.649	33.586.652.168
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.19	8.684.291.646	1.037.593.177
7. Chi phí tài chính	22	5.20	2.333.661.316	395.075.975
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		106.924.697	120.862.827
8. Chi phí bán hàng	24	5.21	4.403.623.894	3.312.882.905
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.22	12.102.011.668	10.678.970.827
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		31.562.746.417	20.237.315.638
11. Thu nhập khác	31	5.23	378.544.421	832.669
12. Chi phí khác	32	5.23	18.049.914	299.678.558
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		360.494.507	(298.845.889)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		31.923.240.924	19.938.469.749
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.24	6.246.335.904	4.280.876.399
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		25.676.905.020	15.657.593.350

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2016

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc


Trần Vĩnh Tài

Phạm Anh Linh

Phan Thị Hồng Phúc